

# KÝ QUỸ CẢI TẠO PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG TRONG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN Ở HUYỆN NÔNG CỐNG TỈNH THANH HÓA: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Nguyễn Mậu Dũng\*, Lê Hồng Tới\*\*

Ngày nhận: 18/9/2015

Ngày nhận bản sửa: 20/11/2015

Ngày duyệt đăng: 25/12/2015

## Tóm tắt:

Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng tình hình triển khai ký quỹ môi trường trong khai thác khoáng sản ở huyện Nông Cống – nơi có nguồn tài nguyên khoáng sản khá phong phú. Kết quả nghiên cứu cho thấy công tác ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường đã được triển khai trên địa bàn huyện theo quy định của Chính phủ và đạt được những kết quả đáng kể với 82,8% doanh nghiệp khai thác khoáng sản đăng ký nộp quỹ và tổng số tiền ký quỹ giai đoạn 2011-2014 đạt 3,6 tỷ VND. Mặc dù vậy việc triển khai ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường trên địa bàn huyện vẫn còn khá nhiều bất cập. Nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp chủ yếu để hoàn thiện công tác ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường trên địa bàn huyện như xây dựng cơ chế ký quỹ hợp lý, nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp, thay đổi cách tính lãi suất đối với khoản tiền ký quỹ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ.

**Từ khóa:** Ký quỹ, bảo vệ môi trường, khai thác khoáng sản, huyện Nông Cống

## Deposits for environmental rehabilitation and restoration in mineral exploitation activities in Nong Cong district of Thanh Hoa province: Current situation and solutions

### Abstract

This study aims at assessing the current situation of making deposits for environmental rehabilitation and restoration in mining activities in Nong Cong district. The study results show that the deposits for environmental rehanilitation and restoration have been implemented in Nong Cong district in accordance with the laws and had significant achivements as 82.8% of mining companies have registered for deposits and total value of deposits reached VND3.6 billion during 2011-2014 period. However, making deposits for environmental rehabilitation and restoration in mineral exploitation activities in the district has still faced many problems. The study proposes several key measures to improve the situation, including creating a new mechanism for making deposits, raising companies' responsibility and awareness, changing the way to calculate the interest rate for deposited value, and improving human resource quality.

**Key words:** Deposit; environmental protection; mineral exploitation, Nong Cong district

### 1. Đặt vấn đề

Nông Cống là một huyện có nguồn tài nguyên khoáng sản khá phong phú, chủ yếu bao gồm quặng Crômít, quặng Secpentin, quặng đá Bazan, quặng sắt, đá vôi, đá mỹ nghệ, cát xây dựng... với trữ lượng hàng triệu m<sup>3</sup>. Với tổng giá trị khai thác

khoáng sản ở Nông Cống đạt khoảng 432,6 tỷ VND vào năm 2014 (Ủy ban nhân dân huyện Nông Cống, 2015), hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện đã có những đóng góp nhất định trong phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương. Tuy nhiên, ô nhiễm môi trường, suy thoái

tài nguyên là những vấn đề mà hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện đã và đang gây ra.

Nhằm hạn chế tình trạng suy thoái môi trường do khai thác khoáng sản, từ năm 2009 huyện Nông Cống đã triển khai thực hiện ký quỹ môi trường trong khai thác khoáng sản theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (2008) và Thủ tướng Chính phủ (2013). Dù đã đạt được những kết quả nhất định nhưng công tác ký quỹ môi trường trong khai thác khoáng sản ở huyện Nông Cống cũng gặp phải không ít khó khăn thách thức. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường thực hiện công tác ký quỹ môi trường trong khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện trong thời gian tới.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Các thông tin và số liệu thứ cấp trong nghiên cứu này chủ yếu được thu thập từ các tài liệu, báo cáo đã được công bố của Phòng Tài nguyên môi trường và Chi cục thống kê huyện Nông Cống. Bên cạnh đó, 35 cán bộ đại diện cho các doanh nghiệp khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện Nông Cống đã được phỏng vấn để thu thập các ý kiến đánh giá về những thuận lợi, khó khăn cũng như những đề xuất để hoàn thiện công tác ký quỹ môi trường trong khai thác khoáng sản. Các phương pháp thống kê mô tả, phân tích so sánh là những phương pháp chủ yếu được sử dụng trong quá trình phân tích.

## 3. Kết quả nghiên cứu

### 3.1. Tình hình khai thác khoáng sản ở huyện Nông Cống

#### 3.1.1. Trữ lượng các loại khoáng sản chủ yếu trên địa bàn huyện Nông Cống

Nông Cống là huyện đồng bằng tiếp giáp với các huyện miền núi, trung du phía Tây và Tây Nam của

tỉnh Thanh Hóa. Đây là một trong những địa phương có nguồn tài nguyên khoáng sản khá phong phú. Theo ước tính huyện có trữ lượng quặng Cromit, quặng Séc-pentin trên 100 triệu m<sup>3</sup> được phân bố chủ yếu tại 6 xã (Tân Thọ, Tân Khang, Trung Thanh, Tế Thắng, Tế Lợi, Minh Thọ), trữ lượng quặng sắt cũng lên đến hàng triệu m<sup>3</sup> được phân bố chủ yếu tại 3 xã (Tượng Sơn, Yên Mỹ, Công Bình). Ngoài ra trên địa bàn huyện còn có nhiều loại quặng, khoáng sản khác với trữ lượng khá lớn như quặng Mangan, quặng đá Bazan làm phụ gia xi măng, đá vôi làm vật liệu xây dựng, cát xây dựng, đá mỹ nghệ (bảng 1).

#### 3.1.2. Tình hình khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện

Toàn huyện Nông Cống hiện có khoảng 40 doanh nghiệp và cơ sở khai thác khoáng sản đã được cấp phép khai thác. Ngoài ra còn có một số công ty, cá nhân không có giấy phép đang khai thác tự phát tại một số xã Tân Phúc, Hoàng Sơn. Nhìn chung khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện có quy mô nhỏ, manh mún với ba hình thức khai thác chủ yếu là hình thức khai thác công nghiệp (chủ yếu đối với khai thác quặng Séc-pentin, khai thác đá vôi); hình thức khai thác nhỏ, tận thu (khai thác quặng hiếm Silic, Mangan, quặng sắt); và hình thức khai thác tự phát theo kiểu thổ phỉ (khai thác đá vôi, khai thác cát).

Số liệu trong bảng 2 cho thấy số lượng cơ sở khai thác và khối lượng sản phẩm khai thác các loại khoáng sản trên địa bàn huyện liên tục tăng lên, đặc biệt là trong khai thác đá vôi và quặng Séc-pentin. Khối lượng sản phẩm quặng Séc-pentin được khai thác trong năm 2014 đạt 580 ngàn m<sup>3</sup> (tăng gần 50% so với năm 2012) với tổng giá trị sản phẩm đạt 198

**Bảng 1. Trữ lượng và tình hình phân bố khoáng sản trên địa bàn huyện Nông Cống**

Loại khoáng sản	Trữ lượng	Phân bố
1. Quặng Séc-pentin	>100 triệu m <sup>3</sup>	Các xã Tân Thọ, Tân Khang, Trung Thanh, Tế Thắng, Tế Lợi, Minh Thọ
2. Quặng Cromit	>100 triệu m <sup>3</sup>	Các xã Tân Thọ, Tân Khang, Trung Thanh, Tế Thắng, Tế Lợi, Minh Thọ
3. Đá vôi làm vật liệu xây dựng	>100 triệu m <sup>3</sup>	Các xã Tân Phúc, Hoàng Giang, Hoàng Sơn
4. Quặng sắt	>1 triệu m <sup>3</sup>	Các xã Tượng Sơn, Yên Mỹ, Công bình
5. Đá Bazan làm phụ gia xi măng	Hàng nghìn m <sup>3</sup>	Các xã Công Bình, Yên Mỹ
6. Quặng Mangan, Silic	Hàng nghìn m <sup>3</sup>	Xã Tượng Sơn
7. Đá mỹ nghệ	> 1000 m <sup>3</sup>	Xã Trường Sơn
8. Cát xây dựng	>1 triệu m <sup>3</sup>	Các xã Yên Mỹ, Công Bình

Nguồn: Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Nông Cống (2013)

tỷ VND. Tổng giá trị sản phẩm từ khai thác quặng sắt đạt 68,2 tỷ VND và từ khai thác các loại quặng khác (quặng silic, mangan, chì) đạt 29,5 tỷ VND trong năm 2014. Lượng đá vôi và đất san lấp được khai thác tăng nhanh do tỉnh đang thực hiện dự án đường giao thông từ cảng hàng không Thọ Xuân đi khu kinh tế Nghi Xuân với tổng chiều dài là 60 km, trong đó có 26,7 km đi qua huyện Nông Cống.

Như vậy, tổng giá trị từ khai thác các loại khoáng sản chủ yếu trên địa bàn huyện Nông Cống trong năm 2014 đạt 432,6 tỷ VND (tăng 32% so với năm 2013 và tăng 85,4% so với năm 2012), đóng góp 10-11% GDP của huyện. Có thể nói ngành khai thác khoáng sản đã có những đóng góp to lớn trong việc tạo nguồn thu ngân sách, đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho một số ngành kinh tế, đồng thời tạo công ăn việc làm và thu nhập cho một bộ phận người lao động trên địa bàn huyện.

### 3.1.3. Ảnh hưởng của khai thác khoáng sản tới môi trường

Bên cạnh những lợi ích về kinh tế xã hội, hoạt động khai thác khoáng sản có những ảnh hưởng tiêu cực không nhỏ đến môi trường sinh thái. Điều này là do khai thác khoáng sản thường gắn với các hoạt động phát bỏ thăm thực vật khi chuẩn bị mặt bằng khai thác; nổ mìn trong quá trình khai thác; đập,

nghe, sàng quặng; xây dựng hệ thống đường giao thông phục vụ vận chuyển quặng; hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân khai thác... Hơn nữa, đa số các đơn vị khai thác khoáng sản ở Nông Cống đều áp dụng hình thức khai thác mỏ lộ thiên nên cần một lượng nước rất lớn để rửa khoáng sản, gây ô nhiễm nguồn nước mặt quanh khu vực khai thác. Việc khai thác lộ thiên cũng gây ô nhiễm không khí do khói bụi phát sinh trong quá trình khai thác và ô nhiễm tiếng ồn do vận hành máy móc thiết bị. Ngoài ra quá trình khai thác cũng làm thay đổi mục đích sử dụng đất, làm biến đổi mạnh mẽ cấu trúc địa hình, địa mạo, gây ứ đọng nước trên bề mặt... Chính vì vậy, hậu quả của khai thác khoáng sản là gây xói mòn, sụt lở đất, ô nhiễm đất, nước, không khí và giảm tính đa dạng sinh học quanh khu vực khai thác. Điều này có ảnh hưởng lớn đến đời sống của người dân quanh vùng.

### 3.2. Thực trạng ký quỹ môi trường trong khai thác khoáng sản ở huyện Nông Cống

#### 3.2.1. Công tác triển khai thực hiện ký quỹ môi trường trong khai thác khoáng sản

Ký quỹ môi trường là một trong những công cụ kinh tế quan trọng được sử dụng nhằm đảm bảo nguyên tắc người gây ô nhiễm môi trường phải chi trả chi phí cho việc phục hồi môi trường đồng thời

**Bảng 2. Kết quả khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện Nông Cống**

Loại khoáng sản		Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1. Đá vôi	- Số doanh nghiệp & cơ sở khai thác	8	9	15	15
	- Khối lượng sản phẩm (1000m <sup>3</sup> )	150	200	370	410
	- Giá trị sản phẩm (triệu VND)	13.500	18.000	33.300	39.100
2. Quặng Séc-pentin	- Số doanh nghiệp & cơ sở khai thác	3	3	4	4
	- Khối lượng sản phẩm (1000m <sup>3</sup> )	400	400	600	580
	- Giá trị sản phẩm (triệu VND)	140.000	140.000	216.000	198.000
3. Quặng sắt hàm lượng thấp	- Số doanh nghiệp & cơ sở khai thác	5	5	6	6
	- Khối lượng sản phẩm (1000m <sup>3</sup> )	100	100	120	119
	- Giá trị sản phẩm (triệu VND)	55.000	55.000	67.200	68.200
4. Đá bazan làm phụ gia xi măng	- Số doanh nghiệp & cơ sở khai thác	2	2	2	2
	- Khối lượng sản phẩm (1000m <sup>3</sup> )	15	15	15	15
	- Giá trị sản phẩm (triệu VND)	6.750	8.250	11.400	11.400
5. Đá đá mỹ nghệ	- Số doanh nghiệp & cơ sở khai thác	1	2	2	2
	- Khối lượng sản phẩm (1000m <sup>3</sup> )	0.04	0.045	0.06	0.06
	- Giá trị sản phẩm (triệu VND)	4.800	5.400	7.200	7.200
6. Quặng Silic, mangan, chì	- Số cơ sở khai thác (cơ sở)	2	3	3	3
	- Khối lượng sản phẩm (1000m <sup>3</sup> )	14	30	41	41
	- Giá trị sản phẩm (triệu VND)	5.040	21.600	29.520	29.520
7. Đất san lấp	- Số doanh nghiệp & cơ sở khai thác	7	7	8	8
	- Khối lượng sản phẩm (1000m <sup>3</sup> )	1.500	1.500	1.700	5.400
	- Giá trị sản phẩm (triệu VND)	60.000	60.000	68.000	218.000

Nguồn: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Nông Cống (2015a)

nâng cao trách nhiệm xã hội trong công tác bảo vệ môi trường. Ký quỹ môi trường trong khai thác khoáng sản được triển khai thực hiện ở Việt Nam theo quy định của Thủ tướng Chính phủ (2008) và Thủ tướng Chính phủ (2013).

Ký quỹ môi trường được bắt đầu triển khai thực hiện trên địa bàn huyện Nông Cống từ năm 2009 khi Phòng Tài nguyên và môi trường Nông Cống (2015b) tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện ban hành công văn giới thiệu các quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường về lập, phê duyệt, kiểm tra, xác nhận đề án cải tạo, phục hồi môi trường. Để tăng cường triển khai thực hiện ký quỹ môi trường trong khai thác khoáng sản, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị của huyện đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho người dân và các doanh nghiệp trên địa bàn biết và hiểu về Luật Bảo vệ môi trường 2005, Luật Khoáng sản 2010, cũng như các quyết định có liên quan đến ký quỹ môi trường được Chính phủ ban hành.

Phòng Tài nguyên và Môi trường đã mở chuyên mục Tài nguyên và Môi trường trên đài truyền thanh của huyện vào thứ 3 hàng tuần, tổ chức các cuộc hội thảo, thuyết minh với các doanh nghiệp về tầm quan trọng cũng như tính cấp thiết của việc ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường. Trong hai năm 2012 và 2013, Ủy ban nhân dân huyện Nông Cống đã phối hợp với Sở Tài nguyên và môi trường (Phòng Pháp chế, Quỹ Môi trường Thanh Hóa), Ngân hàng Thương mại tổ chức tập huấn hướng dẫn, đối thoại với doanh nghiệp về ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường mỗi năm một lần cho các doanh nghiệp đang khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện. Trong năm 2013, gần 90% doanh nghiệp khai thác khoáng sản đã tham gia tập huấn. Thông qua việc tuyên truyền, tập huấn, nhiều doanh nghiệp khai thác khoáng sản đã có nhận thức đúng đắn về ký quỹ bảo vệ môi trường, và chấp hành ký quỹ theo đúng quy định của pháp luật.

### 3.2.2. *Trình tự thủ tục ký quỹ môi trường*

Các tổ chức cá nhân có nhu cầu xin cấp mỏ và giấy phép khai thác phải lập đề án xin cấp mỏ và văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa chấp thuận chủ trương (sẽ cho phép khai thác trên vị trí xin phép). Khi được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận thì đơn vị xin cấp mỏ sẽ thuê cơ quan tư vấn đánh giá trữ lượng mỏ và đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trữ lượng. Chi cục Bảo vệ môi trường phối hợp với Phòng Tài nguyên và môi trường của huyện sẽ hướng dẫn cho đơn vị xin phép khai thác

lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, thuyết minh đề án cải tạo, phục hồi môi trường và nộp theo quy định.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, Chi cục bảo vệ môi trường sẽ tham mưu cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập hội đồng thẩm định gồm các đơn vị liên quan (Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường là chủ tịch Hội đồng, Chi cục Bảo vệ môi trường, Quỹ Bảo vệ môi trường, Phòng khoáng sản sở Tài nguyên và môi trường, Hiệp hội khoáng sản tỉnh, Phòng khoáng sản Sở Công Thương và Ủy ban nhân dân huyện). Hội đồng thẩm định sẽ thông qua đề án cải tạo phục hồi môi trường của đề án khai thác khoáng sản, Chủ tịch hội đồng tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án cải tạo, phục hồi môi trường giao cho Quỹ Bảo vệ môi trường căn cứ vào đề án đã được phê duyệt thông báo cho chủ đề án nộp tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường. Khi nhận được thông báo của Quỹ bảo vệ môi trường, đơn vị phải tiến hành nộp tiền vào Ngân hàng theo tài khoản đã thông báo trong vòng 30 ngày làm việc, sau đó gửi giấy nộp tiền về Quỹ bảo vệ môi trường, Quỹ bảo vệ môi trường sẽ ra thông báo xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường cho đơn vị.

Sau khi khai thác và đã hoàn thành từng phần hoặc toàn bộ nội dung cải tạo, phục hồi môi trường theo đề án đã được phê duyệt, các đơn vị khai thác phải lập Báo cáo hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường. Theo quy định các đề án có giấy phép khai thác khoáng sản dưới 3 năm phải lập Báo cáo và đề nghị xác nhận hoàn thành phục hồi môi trường một lần. Đề án có giấy phép trên 3 năm có thể lập Báo cáo và đề nghị hoàn thành từng hạng mục công trình theo Đề án đã được phê duyệt.

### 3.2.3. *Kết quả ký quỹ môi trường trong khai thác khoáng sản ở huyện Nông Cống*

Trong những năm đầu triển khai, số lượng doanh nghiệp đăng ký nộp quỹ chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ (khoảng 10% vào năm 2011). Tuy nhiên, nhờ tích cực tuyên truyền vận động và tiến hành công tác kiểm tra, thanh tra, tỷ lệ các đơn vị đăng ký nộp quỹ đã tăng lên đáng kể. Đến hết tháng 12 năm 2014, toàn huyện Nông Cống có 31 đơn vị (cá nhân, tổ chức) được cấp phép khai thác khoáng sản thì tất cả các đơn vị này đều đã tham gia ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường (bảng 3). Chỉ những đơn vị chưa được cấp phép khai thác hoặc những đơn vị chuẩn bị đóng cửa mỏ mới không đăng ký nộp quỹ (chiếm 17,1% trong tổng số các đơn vị khai thác). Số tiền đăng ký nộp quỹ cũng tăng lên khá nhanh, từ 126 triệu đồng

trong năm 2011 tăng lên đến khoảng 1,3 tỷ VND vào năm 2014. Như vậy trong 4 năm (từ 2011 đến 2014) tổng số tiền đăng ký nộp quỹ của huyện đạt 3,6 tỷ VND, chiếm 15,9% tổng số tiền đăng ký nộp quỹ của toàn tỉnh. Số tiền mà các doanh nghiệp nộp đúng hạn chiếm 83-90% tổng số tiền đăng ký nộp quỹ.

### 3.3. Những vấn đề tồn tại trong ký quỹ bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện Nông Cống

Mặc dù đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận trong việc triển khai thực hiện ký quỹ môi trường trong khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện trong thời gian vừa qua nhưng công tác ký quỹ môi trường trên địa bàn huyện vẫn gặp một số khó khăn:

- Khó khăn trong ước tính số tiền ký quỹ: Kết quả phỏng vấn cho thấy 48,3% số doanh nghiệp cho rằng cách tính tiền ký quỹ hiện nay là chưa sát với thực tế, không đảm bảo tính chính xác. Điều này là do các chi phí cải tạo phục hồi môi trường phát sinh trong tương lai (khi doanh nghiệp khai thác xong và tiến hành cải tạo phục hồi môi trường) nên việc ước tính các chi phí này là rất khó. Đặc biệt nhiều mỏ có thời gian khai thác lên đến 30 năm, thậm chí 50 năm (Mỏ Séc-pentin), nên việc ước tính số tiền cải tạo phục hồi môi trường sẽ không thể đảm bảo chính xác (thời gian quá dài nên không thể ước tính chính xác được phương án cải tạo phục hồi môi trường, cũng như ước tính giá cả, công nghệ khai thác và công nghệ cải tạo...).

- Tạo gánh nặng kinh phí cho doanh nghiệp: Việc nộp tiền ký quỹ một lần đối với các đề án khai thác dưới 3 năm gây khó khăn cho các đơn vị khai thác vì các đơn vị nộp tiền ký quỹ một lần thường là những doanh nghiệp nhỏ, lượng vốn ít, nhưng để

được cấp giấy phép khai thác khoáng sản thì doanh nghiệp phải nộp đồng thời rất nhiều khoản tiền như: Tiền cấp quyền khai thác, tiền lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường... nên gây khó khăn cho doanh nghiệp nhỏ khi xin cấp phép khai thác mỏ. Hơn nữa số tiền ký quỹ đó sẽ được giữ ở Quỹ môi trường mà doanh nghiệp không được phép sử dụng. Như vậy để cải tạo phục hồi môi trường theo quy định thì Doanh nghiệp phải lo kinh phí cho cải tạo phục hồi môi trường này từ nguồn khác. Điều này cũng gây khó khăn cho doanh nghiệp.

- Cách tính lãi suất với khoản tiền ký quỹ chưa hợp lý: Tiền ký quỹ được hưởng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn. Đây là điểm chưa hợp lý vì thời điểm thực hiện đề án cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác đã được biết trước theo tuổi thọ của mỏ nên tiền ký quỹ nên được hưởng lãi suất có kỳ hạn

- Chưa tạo động lực cải tạo phục hồi môi trường sau khai thác: Theo quy định khoản tiền ký quỹ được xác định bằng chi phí cần thiết để phục hồi môi trường do doanh nghiệp tính toán. Trên thực tế, doanh nghiệp thường đưa ra con số thấp hơn nhằm giảm bớt số tiền phải ký quỹ. Điều này có nghĩa là để rút khoản tiền ký quỹ, thì trước đó doanh nghiệp phải chi phí một khoản tiền lớn hơn hoặc bằng khoản tiền đã ký quỹ. Bởi vậy, việc rút lại khoản tiền ký quỹ môi trường không phải là động lực để doanh nghiệp thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường, nên ký quỹ môi trường không còn là công cụ để đảm bảo cho việc hoàn thổ môi trường.

- Chưa đảm bảo công bằng giữa doanh nghiệp được cấp phép khai thác và doanh nghiệp khai thác trái phép: Việc ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường chỉ áp dụng với những đơn vị được cấp phép chứ

**Bảng 3. Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường của các doanh nghiệp khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện Nông Cống**

	Đơn vị tính	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1. Tổng số doanh nghiệp khai thác khoáng sản	Doanh nghiệp	29	31	35	35
2. Tổng số tiền phải ký quỹ theo phê duyệt	Triệu VND	126	1211	994	1323
3 Số doanh nghiệp đăng ký nộp quỹ	DN	7	23	29	31
4 Tỷ lệ doanh nghiệp đăng ký nộp	%	10,34	74,19	82,86	89,34
5. Số tiền nộp	Triệu VND	52	1067	825	1182
6. Số tiền chậm nộp	Triệu VND	74	144	169	141

Nguồn: Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Nông Cống, (2015b)

không áp dụng đối với những đơn vị khai thác trái phép. Do vậy trong khi các doanh nghiệp được cấp phép sẽ phải nộp quỹ thì các doanh nghiệp khai thác trái phép lại không phải chấp hành quy định này. Điều này gây khó khăn cho các doanh nghiệp chấp hành nghiêm chỉnh quy định so với các doanh nghiệp không chấp hành hoặc các doanh nghiệp khai thác trái phép và chưa đảm bảo công bằng giữa các doanh nghiệp.

- Khó khăn trong triển khai công tác kiểm tra giám sát: Kiểm tra giám sát đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo các đơn vị khai thác chấp hành đúng các quy định trong khai thác khoáng sản, trong đó có quy định về ký quỹ môi trường. Tuy nhiên, với số lượng cán bộ của phòng Tài nguyên và Môi trường của huyện có hạn (6 biên chế) lại phụ trách nhiều công tác khác nhau, các máy móc thiết bị để phục vụ công tác kiểm tra được trang bị không đầy đủ (thiếu thiết bị định vị GPS để xác định các mốc giới hạn của mỏ, thiếu máy phân tích chất lượng không khí, nước tại khu vực mỏ) nên công tác kiểm tra không được thường xuyên và chất lượng các cuộc kiểm tra không cao. Hơn nữa, mỗi ngành, mỗi lĩnh vực thường chủ động tổ chức kiểm tra riêng nên gây phiền hà cho doanh nghiệp khai thác.

### **3.4. Giải pháp hoàn thiện công tác ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản ở huyện Nông Cống**

#### **3.4.1. Cần xây dựng cơ chế xác định mức ký quỹ phù hợp**

Điều này là do nếu xác định mức ký quỹ cao hơn chi phí cải tạo phục hồi môi trường trong thực tế thì sẽ ảnh hưởng đến tình hình tài chính ban đầu của doanh nghiệp khai thác, thậm chí sẽ là nguyên nhân dẫn đến việc doanh nghiệp khai thác không còn nguồn kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường. Trong trường hợp xác định mức ký quỹ thấp hơn chi phí cải tạo phục hồi môi trường thực tế thì sẽ dẫn đến việc người khai thác sẽ từ bỏ số tiền ký quỹ và không quan tâm đến việc cải tạo phục hồi môi trường.

#### **3.4.2. Tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp khai thác khoáng sản**

Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục để doanh nghiệp khai thác hiểu được trách nhiệm xã hội của mình, hiểu rõ nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền là hết sức cần thiết. Trên cơ sở đó các doanh nghiệp sẽ thay đổi thái độ, hành vi của mình theo hướng tích cực, chủ động thực hiện kỹ quỹ cũng như tính toán các khoản chi phí ký quỹ hợp lý hơn.

#### **3.4.3. Thay đổi cách tính lãi suất đối với khoản tiền ký quỹ**

Thông thường thời hạn từ lúc nộp quỹ đến khi hoàn quỹ là thời gian dài và đã được xác định từ trước nên việc thay đổi cách tính lãi suất từ không kỳ hạn sang có kỳ hạn cho khoản tiền ký quỹ này là cần thiết. Điều này cần có sự điều chỉnh trong các quy định của Nhà nước và chính quyền địa phương.

#### **3.4.4. Tăng cường đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên môn**

Do nhiều doanh nghiệp hiện nay cố tình ước tính các khoản chi phí phục hồi cải tạo môi trường thấp hơn chi phí thực tế và do vậy sẽ không có động lực cải tạo phục hồi môi trường sau khi khai thác. Để hạn chế điều này cần có một đội ngũ chuyên gia thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường cũng như ước tính các chi phí phục hồi môi trường có trình độ chuyên môn sâu. Do vậy tăng cường đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên môn có vai trò hết sức quan trọng.

#### **3.4.5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình khai thác và phục hồi cải tạo môi trường của các doanh nghiệp**

Phòng Tài nguyên môi trường của huyện cần phối hợp với các đơn vị chức năng để tăng cường kiểm tra tình hình khai thác khoáng sản trên địa bàn để phát hiện và xử lý các doanh nghiệp khai thác trái phép, không ký quỹ phục hồi cải tạo môi trường. Đối với các doanh nghiệp khai thác có phép cần tăng cường kiểm tra tình hình chấp hành các nội dung đã được phê duyệt trong đề án khai thác khoáng sản của doanh nghiệp, từ đó phát hiện những hành vi vi phạm trong công tác bảo vệ môi trường và có những biện pháp xử lý kịp thời. Việc kiểm tra giám sát này cũng đảm bảo các doanh nghiệp phải thực hiện các biện pháp cải tạo phục hồi môi trường theo các hạng mục đã được phê duyệt trong đề án phục hồi cải tạo môi trường, qua đó hạn chế tình trạng doanh nghiệp không tiến hành cải tạo phục hồi môi trường sau khi khai thác. Ngoài ra, cần yêu cầu các doanh nghiệp thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường ngay trong quá trình khai thác khoáng sản, tránh tình trạng để môi trường ô nhiễm, xuống cấp nghiêm trọng mới tiến hành phục hồi, cải tạo hoặc trốn tránh trách nhiệm phục hồi cải tạo môi trường.

#### **3.4.6. Cần bổ sung, chỉnh sửa quy định xử phạt đối với hành vi vi phạm**

Mặc dù Chính phủ đã ban hành một số văn bản pháp luật quy định về mức xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm bảo vệ môi trường, tuy

nhiên nhiều quy định về hành vi vi phạm vẫn còn chung chung; mức phạt còn thấp đối với các hành vi gây nguy hại cao cho môi trường; thiếu sự thống nhất, đồng bộ giữa các văn bản quy định... Mặt khác vẫn còn tình trạng cá nhân, tổ chức đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường rồi nhưng trong quá trình thực hiện lại chậm nộp tiền ở các lần nộp sau; chậm trễ cải tạo, phục hồi môi trường hoặc cố ý lảng tránh thực hiện việc cải tạo, phục hồi môi trường. Vì vậy, cần xem xét bổ sung, chỉnh sửa lại quy định về hình phạt cho phù hợp. Tăng hình phạt, chế tài đủ mạnh như tăng tiền phạt cho các hành vi thực hiện chậm trễ, bị nhắc nhở nhiều; nếu vi phạm nghiêm trọng có thể yêu cầu cá nhân, tổ chức tạm thời đóng cửa cho đến khi thực hiện theo quy định.

#### 4. Kết luận

Nông Cống là huyện có nguồn tài nguyên khoáng sản khá phong phú và hiện đang có nhiều doanh nghiệp tham gia khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện. Công tác ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường đã được triển khai trên địa bàn huyện theo quy định

của Chính phủ và đạt được những kết quả đáng kể với 82,8% doanh nghiệp khai thác khoáng sản đăng ký nộp quỹ với tổng số tiền ký quỹ trong thời gian 2011-2014 đạt 3,6 tỷ VND. Mặc dù vậy, công tác ký quỹ phục hồi cải tạo môi trường vẫn còn một số vấn đề tồn tại như khó khăn trong việc ước tính số tiền ký quỹ, lãi suất đối với khoản tiền ký quỹ chưa hợp lý, sự phức tạp trong thủ tục hoàn quỹ, hạn chế trong công tác kiểm tra giám sát tình hình chấp hành của các doanh nghiệp.

Do vậy, xây dựng cơ chế ký quỹ hợp lý hơn, tuyên truyền nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp khai thác khoáng sản, thay đổi cách tính lãi suất đối với khoản tiền ký quỹ, đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, tăng cường kiểm tra giám sát tình hình chấp hành của các doanh nghiệp và bổ sung chỉnh sửa các quy định xử lý hành vi vi phạm của các doanh nghiệp là những giải pháp cần được thực hiện để hoàn thiện công tác ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường trên địa bàn huyện trong thời gian tới. □

#### Tài liệu tham khảo

- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Nông Cống (2013), *Báo cáo đánh giá trữ lượng tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện Nông Cống*, Thanh Hóa.
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Nông Cống (2015a), *Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện Nông Cống giai đoạn 2011-2014*, Thanh Hóa.
- Phòng tài nguyên và Môi trường huyện Nông Cống (2015b), *Báo cáo tình hình triển khai công tác ký quỹ môi trường trong khai thác khoáng sản huyện Nông Cống giai đoạn 2011-2014*, Thanh Hóa.
- Thủ tướng chính phủ (2008), *Quyết định số 71/2008/QĐ-TTg về ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản*, ban hành ngày 29 tháng 5 năm 2008.
- Thủ tướng chính phủ (2013), *Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg về cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản*, ban hành ngày 29 tháng 3 năm 2013.
- Ủy ban nhân dân huyện Nông Cống (2015), *Báo cáo tổng kết công tác quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường huyện Nông Cống năm 2014*, Thanh Hóa.

---

#### Thông tin tác giả:

\***Nguyễn Mậu Dũng**, Phó giáo sư, tiến sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện nông nghiệp Việt Nam
- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế tài nguyên môi trường, kinh tế nông nghiệp, phát triển nông thôn
- Một số tạp chí tiêu biểu mà tác giả đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Kinh tế và phát triển, tạp chí Kinh tế và dự báo, tạp chí Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới, tạp chí khoa học và phát triển.
- Địa chỉ Email: maudung@vnua.edu.vn.

\*\***Lê Hồng Tới**, Thạc sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Phòng tài nguyên môi trường huyện Nông Cống, Thanh Hóa
- Lĩnh vực nghiên cứu chính của tác giả: Quản lý tài nguyên môi trường
- Địa chỉ Email: lehongtoi1978@gmail.com